

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 4438 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Kế hoạch số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 793/KH-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An năm 2023.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Các Sở: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Du lịch, Ngoại vụ, Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu, triển khai thực hiện phương án đơn giản hoá được quy định tại Quyết định này.

2. Các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tiếp tục rà soát để công bố thủ tục hành chính nội bộ; rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ đã được công bố tại Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng dẫn của Kế hoạch số 793/KH-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn hoàn thành: trước ngày 15/10/2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT(v).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

PHƯƠNG ÁN**Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ**

**giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An năm 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4423 /QĐ-UBND ngày 28 /12/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

1. Thủ tục phê duyệt nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức các hoạt động của hội**1.1. Nội dung đơn giản hoá**

Bãi bỏ thủ tục này, lý do: Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội không quy định việc cơ quan nhà nước phê duyệt nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức các hoạt động của hội.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Ủy ban nhân dân tỉnh không tiếp nhận/từ chối hồ sơ đề nghị phê duyệt nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức các hoạt động của hội.
- Lộ trình thực hiện: Thực hiện ngay khi Quyết định phê duyệt Phương án có hiệu lực.
- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Nội vụ có văn bản hướng dẫn các hội chủ động thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hoá: 14.673.600 đồng;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hoá: 0 đồng;
- Chi phí tiết kiệm: 14.673.600 đồng;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Thủ tục thẩm định cho ý kiến đối với công chức các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh chuyển công tác đến các cơ quan ngoài hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (công chức chuyển công tác đến khối các cơ quan của Đảng, công chức chuyển công tác đến các tỉnh khác, ...)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

Quy định rõ Trình tự thực hiện, Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, Thời hạn giải quyết.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ Quý II/2024
- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Nội vụ tham mưu thực hiện phương án đơn giản hoá.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 360 giờ;
- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 240 giờ;
- Thời gian tiết kiệm được: 120 giờ;
- Tỷ lệ cắt giảm: 33,33%.

3. Thủ tục quyết định tiếp nhận công chức từ các cơ quan ngoài hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (công chức khối các cơ quan của Đảng, công chức từ các tỉnh khác, ...) đến công tác tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh Nghệ An hoặc quyết định chuyển công chức từ cơ quan hành chính này chuyển đến cơ quan hành chính khác trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An

3.1. Nội dung đơn giản hoá

Quy định rõ Trình tự thực hiện, Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, Thời hạn giải quyết, thẩm quyền giải quyết.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ Quý II/2024
- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Nội vụ tham mưu thực hiện phương án đơn giản hoá.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 360 giờ;
- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 240 giờ;
- Thời gian tiết kiệm được: 120 giờ;
- Tỷ lệ cắt giảm: 33,33%.

4. Cho ý kiến về đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

4.1. Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ thủ tục, lý do: nội dung này được thực hiện phân cấp theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên

chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: thực hiện ngay khi Quyết định phê duyệt phương án có hiệu lực.

- Cơ quan thực hiện phương án: Các cơ quan, đơn vị thực hiện phương án đơn giản hoá theo quy định.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: thực tiễn 40 giờ;

- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 0 giờ;

- Thời gian tiết kiệm được: 40 giờ;

- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

5. Cho ý kiến điều chỉnh đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

5.1. Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ thủ tục, lý do: nội dung này được thực hiện phân cấp theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: thực hiện ngay khi Quyết định phê duyệt phương án có hiệu lực.

- Cơ quan thực hiện phương án: Các cơ quan, đơn vị thực hiện phương án đơn giản hoá theo quy định.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: thực tiễn 40 giờ;

- Thời gian tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 0 giờ;

- Thời gian tiết kiệm được: 40 giờ;

- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

6. Thủ tục rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với các tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, các cơ sở tôn giáo

6.1. Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ thủ tục này, lý do: rà soát, kê khai là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước được giao và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (quy định trong thủ tục) đối với các cơ quan này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố dưới hình thức thủ tục hành chính độc lập để áp dụng cho người sử dụng đất là các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, các cơ sở tôn giáo.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện ngay khi Quyết định phê duyệt Phương án có hiệu lực.

- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức nêu trên theo các thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 371.888.000 đồng;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 0 đồng;

- Chi phí tiết kiệm: 371.888.000 đồng;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

7. Thủ tục rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế và tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

7.1. Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ thủ tục này, lý do: rà soát, kê khai là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước được giao và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (quy định trong thủ tục) đối với các cơ quan này đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính để áp dụng cho người sử dụng đất là các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, các cơ sở tôn giáo.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện ngay khi Quyết định phê duyệt Phương án có hiệu lực.

- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức nêu trên theo các thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 396.070.080 đồng;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 0 đồng;

- Chi phí tiết kiệm: 396.070.080 đồng;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

8. Thủ tục hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

8.1. Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ thủ tục này, lý do: dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thông qua phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh đã đảm bảo các tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và cơ bản hoàn thiện, mặt khác, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì sẽ tiếp tục hoàn thiện văn bản theo các ý kiến tại phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện ngay khi Quyết định phê duyệt Phương án có hiệu lực.

- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Tư pháp hướng dẫn các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

8.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 286.950.400 đồng;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 0 đồng;

- Chi phí tiết kiệm: 286.950.400 đồng;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

9. Thủ tục hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025

9.1. Nội dung đơn giản hoá

Mẫu hóa một số thành phần hồ sơ, cụ thể: Bản tổng hợp danh sách hỗ trợ, Tờ trình của UBND cấp huyện, Biên bản thẩm định, Tờ trình của Sở Du lịch.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ Quý III/2024
- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Du lịch tham mưu thực hiện.

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 53.477.120 đồng;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 35.868.800 đồng;
- Chi phí tiết kiệm: 17.608.320 đồng;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,93%.

10. Thủ tục cho phép tình nguyện viên, chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại tỉnh

10.1. Nội dung đơn giản hoá

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ không trình Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh không ban hành văn bản cho phép tình nguyện viên, chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, lý do:

a) Đối với tình nguyện viên: theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì tình nguyện viên không phải thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép lao động mà chỉ cần thực hiện thủ tục Xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xác nhận).

- Đối với chuyên gia: được chia làm các trường hợp:

+ Theo quy định tại khoản 5 Điều 154 Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019 chuyên gia người nước ngoài (vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được) chỉ cần thực hiện thủ tục Xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xác nhận).

+ Theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ thì chuyên gia người nước ngoài (Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm) không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc.

+ Chuyên gia nước ngoài không thuộc 2 trường hợp nêu trên phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động (gửi hồ sơ tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh không thực hiện thủ tục cho phép tình nguyện viên, chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại tỉnh.

b) Đối với các đối tượng nêu trên, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ hướng dẫn đối tượng thực hiện thủ tục Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (mã số 1.000459).

10.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ Quý I/2024.

- Cơ quan tham mưu thực hiện phương án: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ tham mưu hoặc hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 21.195.200 đồng;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ sau khi đơn giản hóa: 13.043.200 đồng;

- Chi phí tiết kiệm: 8.152.000 đồng;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,46 %.

11. Thủ tục lấy ý kiến tham gia về đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp

11.1. Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ này, lý do: đây chỉ là 1 bước trong thủ tục ban hành Đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp (không xem là 1 thủ tục hành chính nội bộ độc lập; việc cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch, lấy ý kiến, tổng hợp, ban hành hoặc tham mưu ban hành Đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp vẫn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật).

11.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện ngay khi có Quyết định phê duyệt Phương án.
- Cơ quan thực hiện phương án: Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam thực hiện.

11.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá

- Thời gian thực hiện thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 40 giờ đồng;
- Thời gian thực hiện thủ tục hành chính nội bộ trước khi đơn giản hóa: 0 giờ;
- Thời gian tiết kiệm: 0 giờ;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%./.

PHỤ LỤC 1
BIỂU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Thủ tục Phê duyệt nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức các hoạt động của hội

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

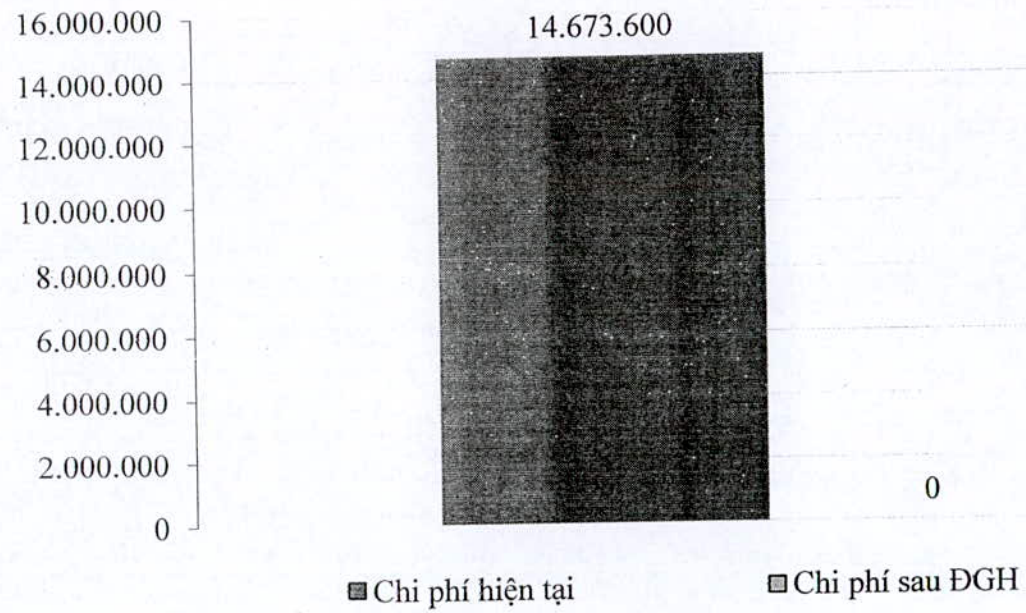
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/1 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	4,0	40.760			1	10	163.040	1.630.400	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Tổ chức Hội chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	24,0	40.760			1	10	978.240	9.782.400	
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu văn bản đề tham mưu trình UBND tỉnh	4,0	40.760			1	10	163.040	1.630.400	
		Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu văn bản đề tham mưu trả lời	4,0	40.760			1	10	163.040	1.630.400	
TỔNG						0	0		1.467.360	14.673.600	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

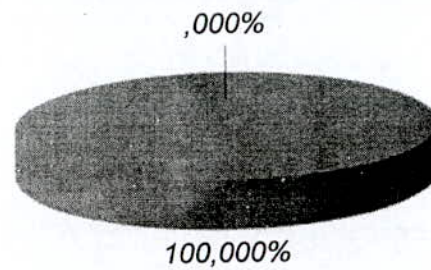
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0,0	40.760			1	0	0	0	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Tổ chức Hội chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	0,0	40.760			1	0	0	0	
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	SNV nghiên cứu văn bản đề tham mưu trình UBND tỉnh	0,0	40.760			1	0	0	0	
		Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu văn bản đề tham mưu trả lời	0,0	40.760			1	0	0	0	
TỔNG					0	0			0	0	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



PHỤ LỤC 2**BIỂU TÍNH THỜI GIAN THỰC HIỆN, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Thủ tục thẩm định cho ý kiến đối với công chức các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh chuyển công tác đến các cơ quan ngoài hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (công chức chuyển công tác đến khỏi các cơ quan của Đảng, công chức chuyển công tác đến các tỉnh khác, ...)

1. Trước khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Công chức tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	80 giờ	
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Công chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		80 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của công chức		200 giờ
Tổng thời gian thực hiện			360 giờ	

2. Sau khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC

1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Công chức tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	40 giờ	
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Công chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		40 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của công chức		160 giờ
Tổng thời gian thực hiện			Tổng: 240 giờ	

3. Thời gian tiết kiệm được: $360 - 240 = 120$ giờ, Tỷ lệ tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tương ứng với tỷ lệ cắt giảm chi phí đơn giản hoá thủ tục hành chính ($120/360$): 33,33%

PHỤ LỤC 3**BIỂU TÍNH THỜI GIAN THỰC HIỆN, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Thủ tục quyết định tiếp nhận công chức từ các cơ quan ngoài hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (công chức khỏi các cơ quan của Đảng, công chức từ các tỉnh khác, ...) đến công tác tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh Nghệ An hoặc quyết định chuyển công chức từ cơ quan hành chính này chuyển đến cơ quan hành chính khác trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An

1. Trước khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Công chức tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	80 giờ	
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Công chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		80 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của công chức		200 giờ
Tổng thời gian thực hiện			Tổng: 360 giờ	

2. Sau khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Công chức tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	40 giờ	

2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Công chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	40 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của công chức	160 giờ
Tổng thời gian thực hiện			Tổng: 240 giờ

3. Thời gian tiết kiệm được: $360 - 240 = 120$ giờ, Tỷ lệ tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tương ứng với tỷ lệ cắt giảm chi phí đơn giản hoá thủ tục hành chính ($120/360$): 33,33%

PHỤ LỤC 4
BIỂU TÍNH THỜI GIAN THỰC HIỆN, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 Cho ý kiến về đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

1. Trước khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cơ quan, đơn vị tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	80 giờ	
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cơ quan, đơn vị chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		80 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của cơ quan, đơn vị		200 giờ
Tổng thời gian thực hiện			360 giờ	

2. Sau khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cơ quan, đơn vị tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0 giờ	

2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cơ quan, đơn vị chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		0 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của cơ quan, đơn vị		0 giờ
Tổng thời gian thực hiện			Tổng: 0 giờ	

3. Thời gian tiết kiệm được: 360 giờ, Tỷ lệ tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tương ứng với tỷ lệ cắt giảm chi phí đơn giản hoá thủ tục hành chính (360/360): 100%

PHỤ LỤC 5
BIỂU TÍNH THỜI GIAN THỰC HIỆN, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 Cho ý kiến điều chỉnh đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

1. Trước khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cơ quan, đơn vị tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	80 giờ	
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cơ quan, đơn vị chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		80 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của cơ quan, đơn vị		200 giờ
Tổng thời gian thực hiện			360 giờ	

2. Sau khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cơ quan, đơn vị tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0 giờ	

2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cơ quan, đơn vị chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		0 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của cơ quan, đơn vị		0 giờ
Tổng thời gian thực hiện			Tổng: 0 giờ	

3. Thời gian tiết kiệm được: 0 giờ, Tỷ lệ tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tương ứng với tỷ lệ cắt giảm chi phí đơn giản hoá thủ tục hành chính (360/360): 100%

PHỤ LỤC 6

BIỂU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với các tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, các cơ sở tôn giáo

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

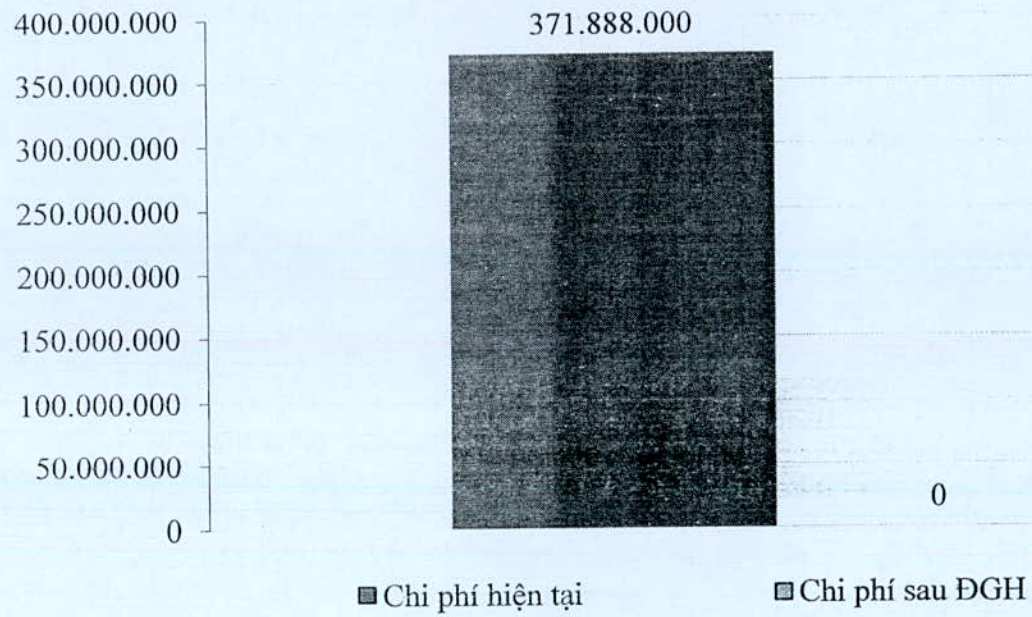
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	16,0	40.760			1	22	652.160	14.347.520	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	80,0	40.760		600.000	1	22	3.860.800	84.937.600	Phí, lệ phí cấp giấy trung bình khoảng 600.000 đồng/hồ sơ
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện nghiên cứu, thẩm định, ra quyết định	304,0	40.760			1	22	12.391.040	272.602.880	
TỔNG					0	600.000			16.904.000	371.888.000	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

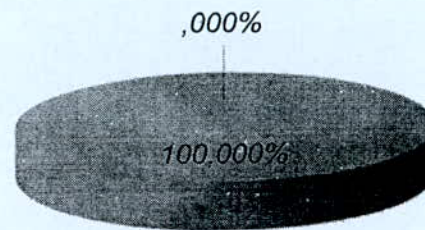
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0,0	40.760			1	0	0	0	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	0,0	40.760		0	1	0	0	0	
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện nghiên cứu, thẩm định, ra quyết định	0,0	40.760			1	0	0	0	
	TỔNG				0	0			0	0	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



PHỤ LỤC 6

BIỂU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với các tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, các cơ sở tôn giáo

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

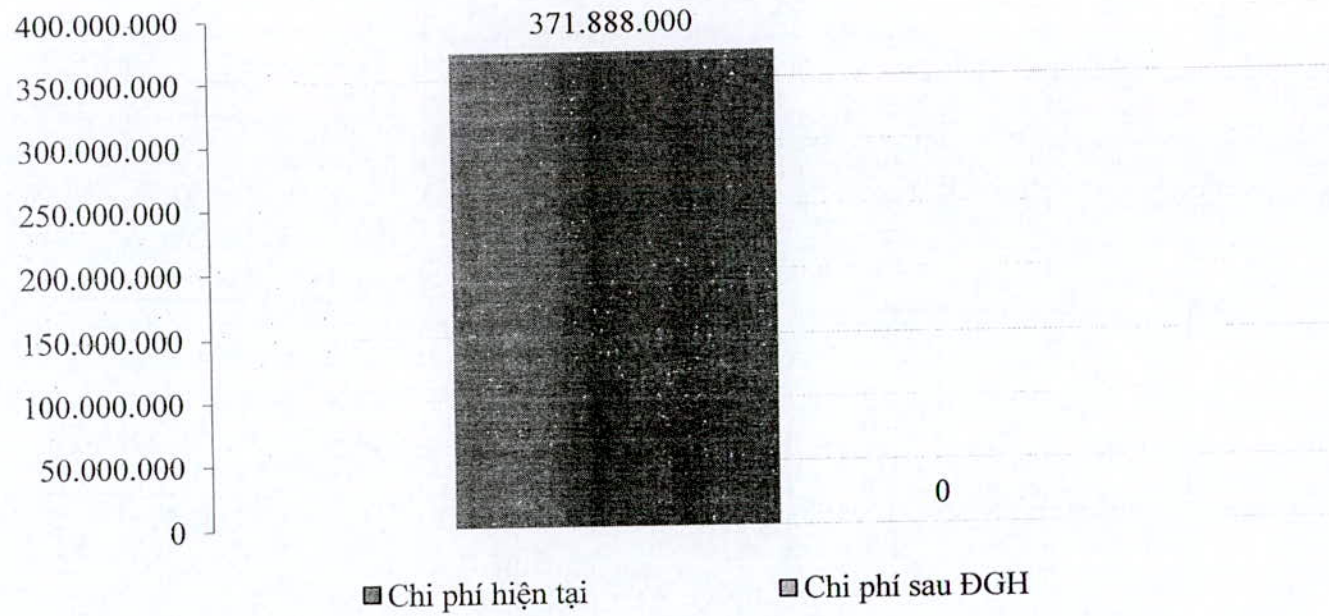
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	16,0	40.760			1	22	652.160	14.347.520	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	80,0	40.760		600.000	1	22	3.860.800	84.937.600	Phí, lệ phí cấp giấy trung bình khoảng 600.000 đồng/hồ sơ
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện nghiên cứu, thẩm định, ra quyết định	304,0	40.760			1	22	12.391.040	272.602.880	
TỔNG					0	600.000			16.904.000	371.888.000	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

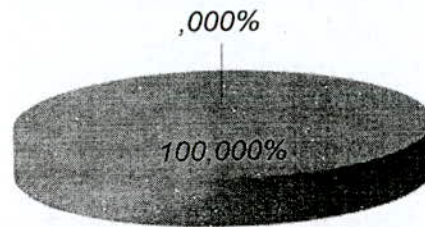
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0,0	40.760			1	0	0	0	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	0,0	40.760		0	1	0	0	0	
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện nghiên cứu, thẩm định, ra quyết định	0,0	40.760			1	0	0	0	
TỔNG					0	0			0	0	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



PHỤ LỤC 7

BIỂU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế và tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	16,0	40.760			1	22	652.160	14.347.520	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	80,0	40.760		600.000	1	22	3.860.800	84.937.600	Phí, lệ phí cấp giấy trung bình khoảng 600.000 đồng/hồ sơ
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện nghiên cứu, thẩm định, ra quyết định	304,0	40.760			1	22	12.391.040	272.602.880	
TỔNG						0			16.904.000	371.888.000	

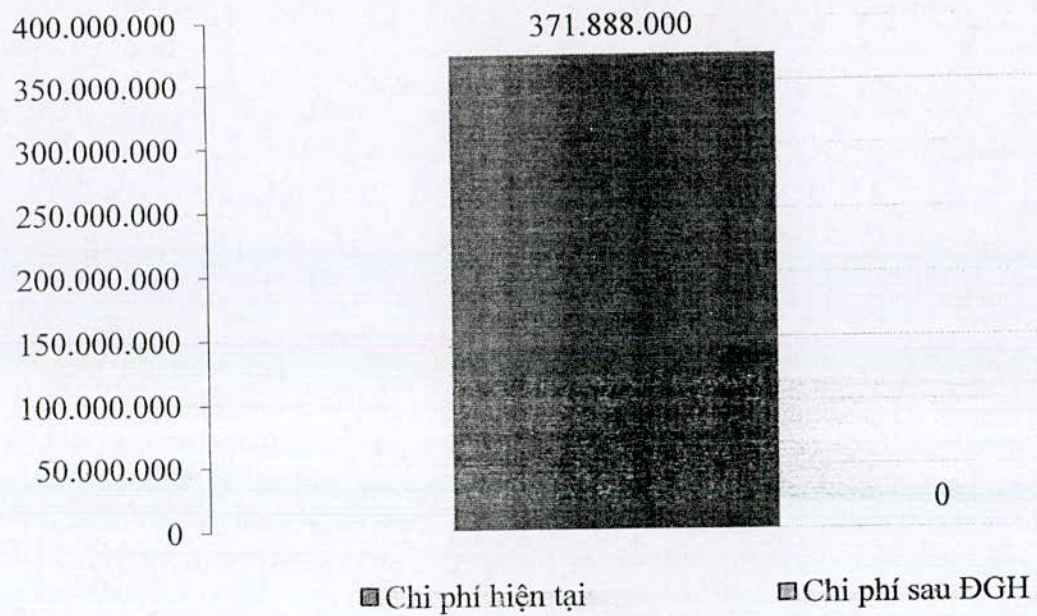
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA

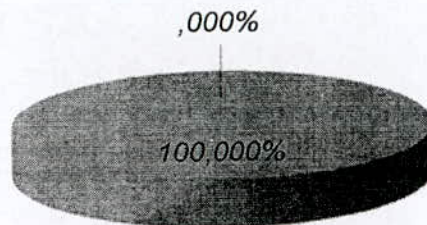
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0,0	40.760			1	0	0	0	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	0,0	40.760		0	1	0	0	0	
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện nghiên cứu, thẩm định, ra quyết định	0,0	40.760			1	0	0	0	
TỔNG					0	0			0	0	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



PHỤ LỤC 8
BIỂU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

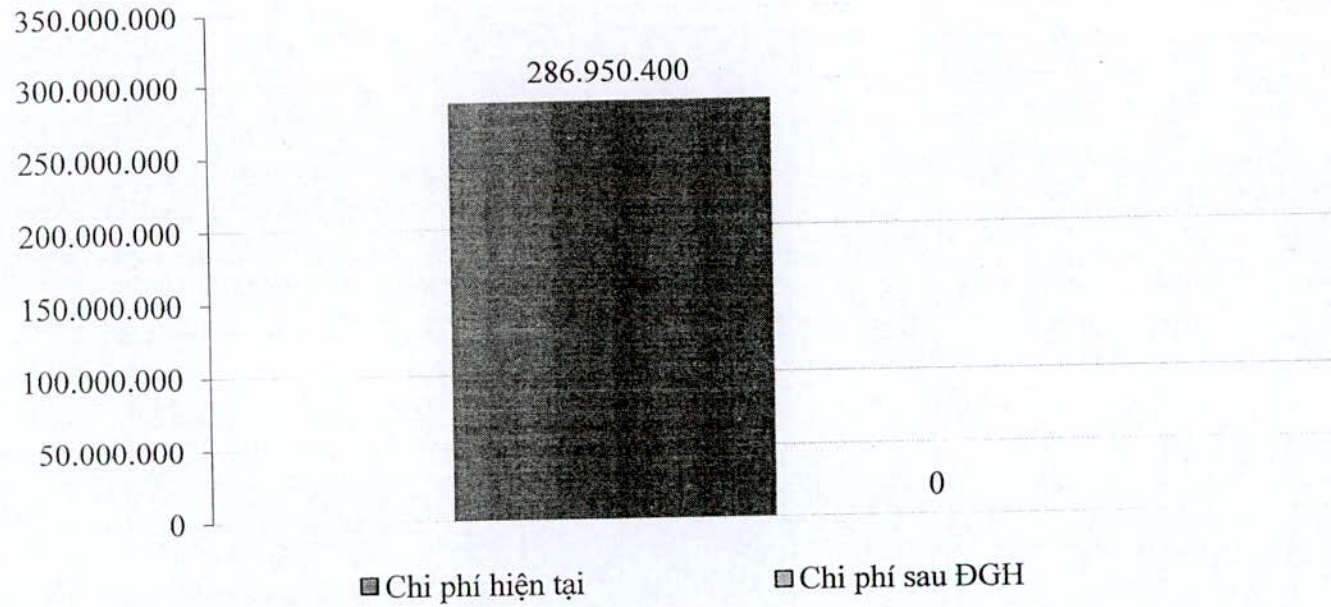
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	8,0	40.760			1	110	326.080	35.868.800	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	16,0	40.760			1	110	652.160	71.737.600	
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Tư pháp nghiên cứu, thực hiện	40,0	40.760			1	110	1.630.400	179.344.000	
TỔNG					0	0			2.608.640	286.950.400	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA

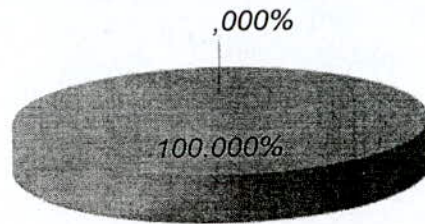
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0,0	40.760			1	0	0	0	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	0,0	40.760		0	1	0	0	0	
1.3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Tư pháp nghiên cứu, thực hiện	0,0	40.760			1	0	0	0	
TỔNG					0	0			0	0	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



PHỤ LỤC 9
BIỂU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Thủ tục hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

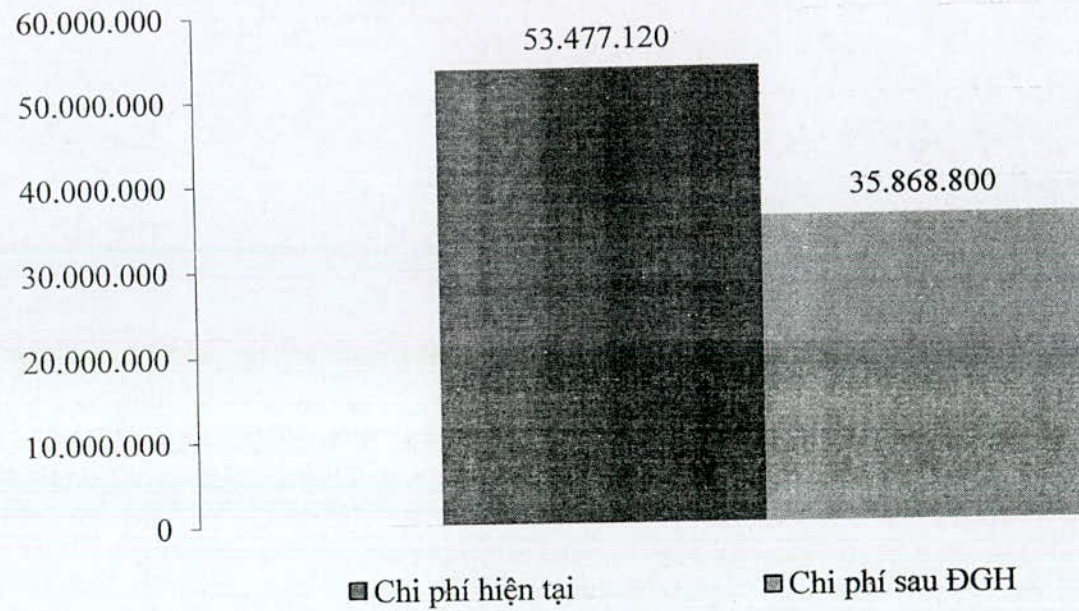
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	24,0	40.760			1	4	978.240	3.912.960	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các khối, xóm, bản chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	192,0	40.760			1	4	7.825.920	31.303.680	
1.3	Nghiên cứu, tổng hợp hồ sơ, thẩm định, tham mưu văn bản trình UBND tỉnh	- UBND cấp xã, UBND cấp huyện tổng hợp; '- Sở Du lịch tổng hợp, thẩm định trước khi trình UBND tỉnh; '- UBND tỉnh xem xét, quyết định	112,0	40.760			1	4	4.565.120	18.260.480	
TỔNG						0	0		13.369.280	53.477.120	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

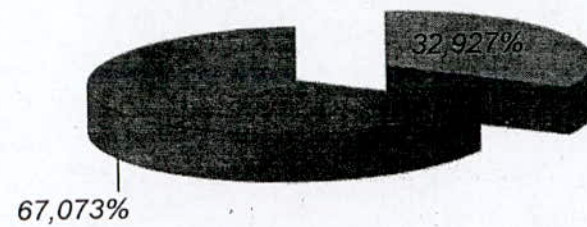
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	12,0	40.760			1	4	489.120	1.956.480	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các khối, xóm, bản chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	96,0	40.760		0	1	4	3.912.960	15.651.840	
1.3	Nghiên cứu, tổng hợp hồ sơ, thẩm định, tham mưu văn bản trình UBND tỉnh	- UBND cấp xã, UBND cấp huyện tổng hợp; '- Sở Du lịch tổng hợp, thẩm định trước khi trình UBND tỉnh; '- UBND tỉnh xem xét, quyết định	112,0	40.760			1	4	4.565.120	18.260.480	
TỔNG						0			8.967.200	35.868.800	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



PHỤ LỤC 10
BIỂU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Thủ tục cho phép tình nguyện viên, chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại tỉnh

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

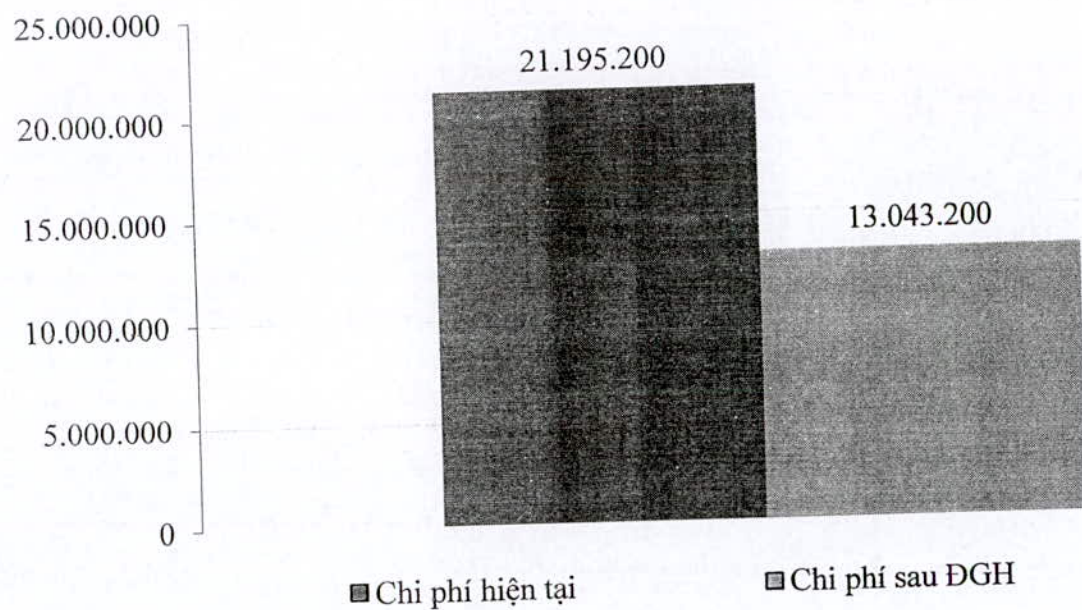
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	24,0	40.760			1	5	978.240	4.891.200	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cá nhân, tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	40,0	40.760			1	5	1.630.400	8.152.000	
1.3	Nghiên cứu, tham mưu văn bản của cơ quan trình, UBND tỉnh	Cơ quan chuyên môn nghiên cứu văn bản để trình UBND tỉnh	40,0	40.760			1	5	1.630.400	8.152.000	
		- Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu, tham mưu; - UBND tỉnh xem xét, quyết định	40,0	40.760			1	5	1.630.400	8.152.000	
TỔNG					0	0			4.239.040	21.195.200	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

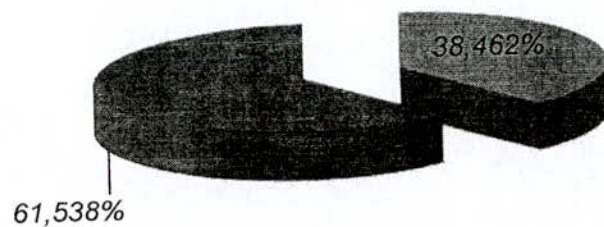
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cá nhân, tổ chức đọc yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	24,0	40.760			1	5	978.240	4.891.200	
1.2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cá nhân, tổ chức chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định	40,0	40.760			1	5	1.630.400	8.152.000	
1.3	Nghiên cứu, tham mưu văn bản của cơ quan trình, UBND tỉnh	Cơ quan chuyên môn ban hành văn bản theo thẩm quyền	40,0	40.760			1	5	1.630.400	8.152.000	
TỔNG					0	0			2.608.640	13.043.200	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



PHỤ LỤC 11
BIỂU TÍNH THỜI GIAN THỰC HIỆN, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Thủ tục lấy ý kiến tham gia về đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp

1. Trước khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cơ quan, đơn vị tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	80 giờ	
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cơ quan, đơn vị chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		80 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của cơ quan, đơn vị		200 giờ
Tổng thời gian thực hiện			360 giờ	

2. Sau khi đơn giản hóa

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTHC
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	Cơ quan, đơn vị tìm hiểu yêu cầu, tra cứu quy định pháp luật	0 giờ	

2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Cơ quan, đơn vị chuẩn bị các thành phần hồ sơ theo quy định		0 giờ
3	Nghiên cứu hồ sơ, tham mưu văn bản trả lời	Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ của cơ quan, đơn vị		0 giờ
Tổng thời gian thực hiện			Tổng: 0 giờ	

3. Thời gian tiết kiệm được: 360 giờ, Tỷ lệ tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tương ứng với tỷ lệ cắt giảm chi phí đơn giản hoá thủ tục hành chính (360/360): 100%